

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DS-ST
Ngày: 02-8-2023
V/V “tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Hữu Quang.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 214/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Bích L**, sinh năm 1967- Chủ hộ kinh doanh.
Địa chỉ: **Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An** (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Trương Đình C**, sinh năm 1964. Địa chỉ: **Số A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An** (vắng mặt).

2/ Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **Số D, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2023 bà **Đinh Thị Bích L** là nguyên đơn trình bày:* Vào 28/6/2020 đến ngày 01/3/2021, đại lý phân bón của bà có bán cho bà **Huỳnh Thị M**, ông **Trương Đình C** phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để trồng thanh long. Hai bên có thỏa thuận việc mua bán trong thời hạn khoảng 03 tháng trả tiền. Qua nhiều đợt mua bán và tính đến ngày 01/3/2021 thì bà **M**, ông **C** có trả tiền cho bà nhiều lần nhưng còn nợ lại bà tiền vốn mua bán là

22.450.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà M, ông C phải liên đới trả cho bà 22.450.000 đồng vốn mua bán và yêu cầu tính lãi chậm trả là 5.388.000 đồng (lãi suất chậm trả là 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/3/2023), trả một lần trong thời gian 01 tháng.

Tại phiên toà bà L trình bày: Bà yêu cầu tính lãi chậm trả là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/3/2023), số tiền lãi là 4.490.000 đồng, tổng cộng vốn mua bán và lãi chậm trả là 26.940.000 đồng, yêu cầu bà M, ông C phải liên đới trả một lần trong thời gian 02 tháng.

Bà Huỳnh Thị M là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà L là nguyên đơn khởi kiện vợ chồng bà là đúng. Nay bà và ông C đồng ý trả 22.450.000 đồng tiền vốn mua bán cho bà L. Bà và ông C xin bà L cho bà và ông C trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, bà và ông C xin bà L không tính phần tiền lãi chậm trả thời gian thanh toán tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2023.

Tại phiên toà bà M trình bày: Qua lời trình bày của bà L là nguyên đơn khởi kiện vợ chồng, bà đồng ý trả cho bà L tiền vốn mua bán và lãi chậm trả như trên cho bà L, bà xin bà L cho bà trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Ông Trương Đình C là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đình Thị Bích L khởi kiện ông Trương Đình C, bà Huỳnh Thị M về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông C vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu ông C, bà M phải liên đới trả cho bà L tiền vốn mua bán và lãi chậm trả, tổng cộng là 26.940.000 đồng, yêu cầu trả trong thời gian 02 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với ông C, bà M. Xét thấy qua quá trình hòa giải và tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất ông C, bà M còn nợ bà L tiền vốn mua bán và lãi chậm trả, tổng cộng là 26.940.000 đồng. Ông C, bà M xin trả dần mỗi tháng cho đến khi xong nợ, nhưng không được bà L đồng ý và không phù

hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông C, bà M phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L với số tiền vốn mua bán và lãi chậm trả, tổng cộng là 26.940.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C, bà M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 288, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị Bích L** về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà **Huỳnh Thị M**, ông **Trương Đình C**.

Buộc bà **Huỳnh Thị M**, ông **Trương Đình C** phải liên đới trả cho bà **Đinh Thị Bích L** với số tiền vốn mua bán và lãi chậm trả, tổng cộng là 26.940.000 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006915 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Bà **Huỳnh Thị M**, ông **Trương Đình C** phải liên đới chịu 1.347.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí